HÀNH TRÌNH TÌM TỰ DO

Bút Ký của Nguyễn Văn Hòa

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 1975

BỐI CẢNH THÀNH PHỐ SÀI GÒN TRƯỚC NGÀY RA ĐI

Sài Gòn có những cơn mưa chiều bất chợt trong những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Đặc biệt sáng nay trời đang nắng bất ngờ đổ mưa nặng hạt giữa những ngày thành phố đang nóng lên vì tin tức chiến sự từ khắp nơi dồn dập đổ về cửa ngõ thủ đô, làm cho không khí thêm căng thẳng, ngột ngạt và hối hả hơn.

Hơn một tháng nay, từ cuối tháng 3-1975 - khi Vùng I Chiến Thuật thất thủ, nhất là khi trông thấy cảnh đồng bào di tản thê thảm khỏi Pleiku, cảnh chạy loạn kinh hoàng ở Đà Nẵng, tôi không thể nào tập trung vào công việc hàng ngày tại sở làm được. Trong phòng làm việc của tôi có tấm bản đồ Việt Nam lớn, hễ mỗi tỉnh thất thủ là tôi khoanh một vòng tròn đỏ. Đến nay gần ba phần tư bản đồ đã có những vùng khoanh đỏ, từ các tỉnh miền giới tuyến Đông Hà, Quảng Trị đến Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang rồi đến Phan Rang, Phan Thiết; chưa kể đến Ban Mê Thuộc, Pleiku, Kontum, Bình Long, Phước Long đã thất thủ trước đó.

Anh em bạn bè đồng nghiệp của tôi thường hay ghé văn phòng tôi, không phải để nói chuyện về công việc làm ở sở, mà xem tấm bản đồ tôi cập nhật tình hình rồi bàn việc thế sự, bàn về cuộc chiến đang đến rất gần, bàn cả về giải pháp đi hay ở, rời Sài gòn ra Phú Quốc hay tìm đường ra nước ngoài, kể cả bàn về giải pháp hùn hạp tiền đóng thuyền gỗ, ghép thùng phuy, đóng bè chuối vượt biển như người tù Papillon trốn khỏi đảo tù. Văn phòng cố vấn Mỹ ở phía đối diện văn phòng tôi đã im lìm đóng cửa từ tuần

qua. Nghe nói Smith đã lặng lẽ trở về Mỹ và có mang theo cô giúp việc nhà. Anh Hóa, trưởng sở điều hành, cấp chỉ huy trực tiếp của tôi cũng vắng mặt nhiều ngày qua.

Tuần qua, tôi đã dọn về ở tạm căn nhà mới của anh kế tôi bỏ trống trong khu Cư xá Thanh Đa, bên ven sông Sài Gòn, nghĩ rằng nơi đây có lẽ an toàn hơn, vì vị trí nhà tôi nằm trong một cư xá quân đội thuộc chu vi tứ giác quân sự: cục công binh, đường Tô Hiến Thành, căn cứ quân cụ, đường Trần Quốc Toản, trung tâm viện trợ quân sự Mỹ, và quân khu Thủ đô, đường Lê Văn Duyệt; nên rất nguy hiểm nếu cộng quân bắn hỏa tiễn vào khu tứ giác quân sự này.

****

Hôm nay Thứ Hai ngày 28 tháng 4 năm 1975 tôi không thể đến sở làm được vì không có xe đến đón do quân Cộng Sản đã áp sát Thủ Đô, đang có giao tranh trên xa lộ Sài Gòn hướng về thành phố. Cộng quân thực sự đang tiến rất gần về thủ đô Sài Gòn.

Buổi sáng qua nhanh, buổi chiều đến thật chậm, khu cư xá Thanh Đa vắng người, vẫn chìm trong mưa nhẹ và mây xám đen giăng ngang khắp bầu trời.

Nhà tôi ẵm đứa con út chưa đầy năm ra ngoài hiên nhà nhìn ngắm mưa rơi, thì bất ngờ nghe hàng loạt tiếng nổ lớn dội về từ hướng phi trường Tân Sơn Nhất.

Tiếng gầm rú của những chiếc máy bay phản lực bay thấp giữa cơn mưa chiều thành phố khiến không khí chiến tranh đang thực sự đến gần. Rồi tiếng gầm rú dường như xa khuất, chỉ thỉnh thoảng mới rộ lên.

Nghe tiếng gầm rú của các máy bay phản lực, tôi nói với nhà tôi, có lẽ phe quân đội của thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đang làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền vì chiều nay tại dinh Độc Lập có lễ

nhậm chức tổng thống của đại tướng Dương Văn Minh. Nhưng thực tế không phải vậy. Đó là ba chiếc phản lực cơ A-37 của Không quân VNCH bị bỏ lại ở Đà Nẵng được Việt Cộng sử dụng để bay vào Sài Gòn dội bom.

Về sau tôi được biết thêm chi tiết tiếng máy bay gầm rú trên bầu trời Sài Gòn là cuộc ném bom phi trường Tân Sơn Nhất xảy ra lúc 18 giờ chiều thứ Hai ngày 28-4-1975, đúng vào lúc lễ bàn giao tổng thống VNCH, là tín hiệu bắt đầu cho cuộc tổng tấn công tiến chiếm Sài gòn của cái gọi là “chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Bản tin chiều của đài phát thanh và đài truyền hình số 7 loan báo lệnh thiết quân luật và giới nghiêm toàn thành phố Sài Gòn và tỉnh Gia Định đã được ban hành, lệnh có hiệu lực từ 19 giờ hôm nay ngày 28-4-1975 cho đến khi có lệnh mới. Thiết quân luật và lệnh giới nghiêm có nghĩa là quân đội nắm quyền quản lý và kiểm soát thủ đô và tất cả các đơn vị quân đội cùng quân nhân được đặt trong tình trạng báo động, phải trở về doanh trại cấm túc ứng trực 100% và người dân thì phải ở trong nhà, không được phép đi ra ngoài đường. Chiến tranh thực sự đang lan đến thành phố Sài Gòn thân yêu của tôi.

Suốt cả đêm, phi trường Tân Sơn Nhất và khu vực Lăng Cha Cả, nơi đặt bản doanh sư đoàn Dù Hoàng Hoa Thám, bị bắn phá dữ dội bởi đại pháo và hỏa tiễn từ ngoại ô bắn vào.Tiếng nổ và những cột lửa bùng cháy trong đêm làm tôi trằn trọc không thể nào ngủ được, tôi chỉ chợp mắt được một vài giấc ngắn đầy cơn mê sảng và mộng mị. Nhà tôi nằm bên thở nhẹ không hay biết tôi đang có những mộng mị thiên thần giữa những cơn mê tới gần sáng. Suốt trong cuộc chiến, Sài Gòn tương đối yên ổn, đêm đêm không hề nghe tiếng đại bác và không hề bị bắn phá trực tiếp. Đêm nay các hỏa tiển này, đi kèm theo đó là những tiếng nổ thật lớn, có lẽ báo hiệu màn cuối cùng của cuộc bao vây, đánh chiếm thủ đô đã thực sự bắt đầu. Tôi nghĩ thầm.

Tờ mờ sáng hôm sau ngày 29, nhìn về hướng Tân Sơn Nhất tôi thấy nhiều loại máy bay, đặc biệt là nhiều máy bay trực thăng và máy bay bà già L-19 của không quân VNCH bay đầy trời như đàn chim vỡ tổ hướng ra biển Đông hay về Thái Lan.

****

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 1975:

NGÀY RA ĐI

Hình như có một nỗi sợ hãi tiềm ẩn in sâu trong tiềm thức, như có một ma lực dẫn dắt và như có tiếng gọi từ một cõi nào mông lung xa thẳm, tôi không cưỡng được phải lên đường ra đi. Cư xá Thanh Đa như còn ngái ngủ, nằm im lìm trong nắng sớm ban mai sau một đêm dài "mưa gió bão bùng". Nhà tôi ôm thằng con út tuổi chưa tròn năm vào lòng nhìn tôi như tha thiết nói chàng ở lại, nửa như xót xa nói chàng ra đi.

Tôi lặng lẽ lên xe theo bạn ra đi để lại những giọt lệ long lanh của nàng chảy xuống. Hôm ấy là buổi sáng sớm ngày 29 tháng 4 năm 1975.

***

Chiếc xe Honda mầu đen của Tiêng, người bạn thân nhất của tôi đến đón tôi rời nhanh khu cư xá Thanh Đa, lao mình vào Sài Gòn mù mịt hoang vắng, sau một đêm trường nghe tiếng đại pháo lẫn hỏa tiễn của Bắc quân bắn phá phi trường Tân Sơn Nhất.

Sáng nay, khí trời tương đối mát mẻ, trên không vẫn còn nhiều mây đen. Xe chạy qua ngã tư Hàng Xanh, hướng về Sài Gòn, hình như thành phố đã bị bỏ ngỏ, không còn thấy bóng dáng nào của cảnh sát và quân cảnh giữ an ninh trật tự. Tiêng và tôi, cả hai không nói ra nhưng có lẽ có cùng một cảm giác sờ sợ. Hai bên

đường xe chúng tôi chạy qua, dân chúng ngơ ngác hoang mang, không biết chuyện gì đã xảy ra vào đêm qua, khi pháo nổ, hoả tiễn rơi vào phi trường Tân Sơn Nhất, và khi từng đoàn máy bay các loại bay di tản sang Thái Lan như đàn chim vỡ tổ.

Sài gòn những ngày gần cuối tháng Tư năm 1975 như cảnh chợ chiều, đầy hỗn loạn, như rắn mất đầu. Người dân hoang mang lo sợ về một tương lai bất định mờ mịt. Các quan chức chính quyền cao cấp, các bộ trưởng, các tướng tá quân đội có điều kiện thì mạnh ai nấy đã tìm đường di tản sớm, bằng mọi cách.

Hướng đi phi trường Tân Sơn Nhất, trên đường Công Lý, các xe lớn nhỏ, nổi bật là từng đoàn xe buýt sơn mầu olive của DAO (*văn phòng tùy viên quân sự Hoa Kỳ*), chen nhau chạy hối hả. Khi đến gần con đường dẫn vào nhà thầy me tôi, chúng tôi thấy một chiếc máy bay trực thăng bay thấp như muốn đáp xuống điểm hẹn để bốc người. Tôi nói với Tiêng đây có thể là một điểm hẹn trong nhiều điểm và nên ghé vào nhà thầy me tôi ở gần đó báo tin thành phố đã tự thất thủ và luôn tiện gửi xe ở đó.

Khi được báo tin thành phố đã bị bỏ ngỏ, quân Cộng Sản miền Bắc đã bao vây và đang trực chỉ tiến vào Sài Gòn, cả đại gia đình của tôi đều ngạc nhiên sửng sốt, anh Lâm kế tôi hình như vừa mới ngủ dậy, nhất định không tin. Thế nhưng hai cụ thân sinh, chị Hai tôi và cháu Hùng con trai lớn của chị cũng bán tín bán nghi nhưng cũng nghe lời tôi ra đầu ngõ nơi có bãi sân rộng của hãng Ba Sam là điểm hẹn bãi đáp trực thăng để hy vọng lên được máy bay. Tiêng và tôi cũng hy vọng, ai ai cũng vậy, và vì quá đông người nên máy bay chỉ bay xà xà không dám đáp xuống.

Tôi thẫn thờ đưa hai cụ thân sinh trở về nhà và luôn tiện xin chị tôi một ít xăng để tiếp tục tìm đường thoát khỏi Việt Nam. Chúng tôi đi đến những người quen thân để hỏi thăm phương tiện, dò la tin tức nhưng đều được trả lời là chủ nhà đi vắng.

****

Trời Sài Gòn buổi trưa, thành phố không nắng lắm, nhưng oi bức nồng nàn, hình như cả thành phố đang lên cơn sốt và hai chúng tôi lái xe chạy miên man khắp các con đường. Hầu như con đường nào cũng đầy ắp người và xe cộ đổ ra từng đoàn hỗn độn, từ mọi ngóc ngách của thành phố, hớt hãi như những con vật tội nghiệp tìm đường thoát khỏi trong cơn cháy rừng. Xe tăng của Bắc quân đang tiến vào thành phố, mọi người đều lo sợ cái chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào cho họ và gia đình họ.

Hướng ra bến Bạch Đằng xe cô kẹt cứng. Trên bến đầy cả người, chen lấn nhau leo lên một vài con tầu đang bỏ neo. Ai cũng tìm đường vượt thoát cộng sản, tránh bị gông cùm và nỗi chết. Tôi nhìn thấy những nét mặt người đầy sợ hãi. Tiếng khóc la của trẻ nhỏ. Tiếng chửi thề, tiếng người la hét, chen lấn, đánh đập và đạp dẫm lên nhau. Tất cả giống như những con vụ mất thăng bằng không còn tự chủ quay được, lảo đảo rồi rơi lăn vào nỗi mất mát đầy tuyệt vọng.

Chúng tôi tiếp tục đi qua đường Tự Do, hướng nhà thờ Đức Bà rồi quẹo phải ra đường Thống Nhất, đến khu tòa đại sứ Mỹ, dân chúng dày đặc, chen chúc nhau leo tường vào bên trong tìm đường thoát. Họ nghĩ rằng tòa đại sứ Mỹ là cái phao cứu nạn, cứu họ thoát chết trước cơn đại hồng thủy.

Nhìn cảnh tượng di tản, cảnh chen lấn và xô đẩy của những người đi tìm chốn an toàn tị nạn, diễn ra giữa cơn hoảng loạn, trong nỗi tuyệt vọng và kinh hoàng của người dân miền Nam trước viễn ảnh đen tối là nếu không thoát khỏi Sài gòn, họ sẽ bị bỏ lại sau bức màn sắt của một chế độ cộng sản độc tài toàn trị. Đa số những người vào được khuôn viên tòa đại sứ là những nhân vật cao cấp trong quân đội và chính quyền có nhiều liên hệ mật thiết với người Mỹ và thân nhân của những người này.

Thấy không thể nào tới phiên mình, chúng tôi tiếp tục đi như là đi trong cơn mê sảng. Radio của đài phát thanh FM quân đội Hoa Kỳ

cứ lập đi lập lại tin tức thời tiết Sài Gòn nóng gia tăng cùng với giai điệu ca khúc White Christmas do Bing Crosby trình bày mà sau này chúng tôi mới biết đó là mật hiệu di tản khẩn cấp các kiều dân Mỹ khỏi Sài Gòn.

Tiêng đưa tôi về căn nhà chính của tôi ở cư xá Nguyễn Trung Trực nằm trên đường Trần Quốc Toản để báo tin cho bà cụ nhạc mẫu và cũng luôn tiện để tôi thay bộ quân phục hầu dễ ra vào các căn cứ quân sự trong lúc này. Sau đó chúng tôi về nhà Tiêng để Tiêng gặp vợ. Lan rất bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra và còn nói: "*thôi các ông cứ đi*". Cảm ơn chị Lan và Tiêng, nhờ câu nói này mà chúng tôi có thêm can đảm tìm đường ra đi và rồi để hai gia đình chúng tôi có được ngày đoàn viên sáu năm sau trên đất Mỹ.

Từ đường Lê Văn Duyệt bên Gia Định, qua cầu Bông, chúng tôi đi về hướng sông Sài Gòn, đến Tân Cảng rồi rẽ vào căn cứ hải quân Cửu Long thăm người bạn đang làm cơ khí trưởng một chiến hạm. Tiêng và tôi lên chiếc trục lôi hạm HQ 116 đang bỏ neo để tìm Hùng thì gặp trung uý Việt phó hạm trưởng.

Trong lúc bàn luận tình hình đất nước với vợ chồng anh thì căn cứ hải quân Cửu Long nhận được lệnh báo động từ bộ tư lệnh hạm đội Sài Gòn thuộc bộ tư lệnh hải quân, các chiến hạm phải khẩn cấp nhổ neo tách bến ra giữa dòng sông lập đội hình sẵn sàng di chuyển khi có lệnh.

Tôi còn nhớ, lúc còn ở trên chiến hạm, Tiêng ngỏ ý mượn chiếc xe Jeep của anh Việt về đón vợ con, nhưng không hiểu vì không có xe (*xe của hạm trưởng đi đón vợ con rồi*) hay vì lo sợ khi rời khỏi chiến hạm và căn cứ Cửu Long sẽ không thể nào trở lại tầu được nên ý định không thành.

Phần tôi, quả thực lúc bấy giờ, hình như đầu óc tôi trống không-totally blank, tôi bị thụ động hoàn toàn trước bối cảnh quân Cộng Sản đang tiến vào thủ đô, trước cảm giác sợ hãi cộng sản như một

cơn dịch bệnh khủng khiếp lan tràn từ cuộc di cư vĩ đại 1954 theo gia đình vào Nam, đến cuộc di tản bi thảm từ Pleiku xuống vùng duyên hải, từ Quảng Trị, Huế Đà Nẵng vào Sài Gòn; và trước nỗi ngơ ngác bàng hoàng đến sợ hãi của dân chúng mà tôi đã chứng kiến sáng nay tại bến Bạch Đằng và trước tòa đại sứ Mỹ.

Không hiểu vì quá sợ hãi cộng sản hay là có một móng ý thầm kín nào đó tận thâm sâu nơi tâm hồn tôi mà cứ thôi thúc tôi phải ra đi tìm tự do, phải rời bỏ Sài Gòn. Hình ảnh thân yêu của vợ con tôi, hình ảnh hai cụ thân sinh ra tôi, bà cụ nhạc mẫu; tất cả đều không đủ mạnh để níu kéo tôi ở lại, hình như có một lực vô hình nào đó hối thúc tôi, đẩy tôi đi, đi thật xa, đi ra khỏi vùng lửa đạn, ra khỏi vòm trời Việt Nam đầy oan nghiệt, đầy oán thù mà cho đến bây giờ, ngồi bình yên trong thư viện đại học UM ở Hoa Kỳ, tôi mới thấy rằng đó chính là nghiệp lực đã dẫn dắt, đã đưa đẩy tôi đi. Gió nghiệp đã thổi tôi đi ra khỏi vùng trời Việt Nam.

Đúng 7 giờ chiều, tất cả các chiến hạm được lệnh khởi hành di chuyển hướng Côn Sơn, sau khi nghe nhật lệnh tan hàng của vị tư lệnh hạm đội Sài Gòn mà tôi nghe được khi ở trên đài chỉ huy chiến hạm, "*ai muốn đi thì đi, ai không muốn đi thì cho họ tự do trở về nhà*". Trong lúc di chuyển, qua hệ thống truyền tin trên đài chỉ huy chiến hạm, tôi nghe được các lệnh trái chiều của hai vị chỉ huy cao cấp lúc đó từ bộ tư lệnh hải quân, có tiếng ra lệnh không được di chuyển, chờ lệnh, rồi lại có tiếng ra lệnh cho đoàn tầu cứ tiếp tục di chuyển theo kế hoạch. Phó Hạm Trưởng HQ-116, Trung Úy Việt thay quyền hạm trưởng vắng mặt quyết định di chuyển theo kế hoạch đã dự định. (*Có lẽ Thiếu tá hạm trưởng đang ở một chiến hạm khác hay về nhà đón vợ con chưa kịp trở lại*)

***

Tôi đứng một mình cô đơn trên boong tầu, nhìn thành phố Sài Gòn thân yêu từ từ lùi lại phía sau, gió sông thổi lồng lộng trên mái tóc, quần áo bay phần phật. Trời đã tối hẳn mà thành phố vẫn chưa

thấy lên đèn, chỉ thấy những đám cháy sáng đỏ rực bốc lên từ bốn góc trời, những lửa đỏ vẫn dồn dập chụp xuống, kho xăng Nhà Bè trắng xóa, lấp loáng dưới ánh lửa đang cuồn cuộn bốc cao, những nỗi chết vẫn túa vào. Tiếng súng đại pháo hỏa tiễn từ hướng phi trường vọng về. Ánh lửa bập bùng từ phía sau nhà thờ Đức Bà, nơi có tòa đại sứ.

Sài Gòn nằm đó, Sài Gòn đang quằn quại đau thương, Sài Gòn của tôi, của những chiều thứ Bảy bên người yêu trên hè phố Bonard, đi dưới những hàng me già rợp bóng, Sài Gòn của bạn bè, của những tháng ngày trẻ dại cúp cua trốn học vào rạp hát Vĩnh Lợi hay Lê Lợi xem phim. Sài Gòn có gia đình cha mẹ anh em. Sài Gòn bây giờ đang oằn lên những nét thương đau chết chóc xa lìa…

Trên nền trời u ám và hình như mưa rơi lất phất. Tầu từ từ xa dần bến Bạch Đằng – nơi mà hai mươi năm về trước, thầy me tôi đã dẫn tôi xuống bộ sau một cuộc hải hành đi tìm tự do từ Hải Phòng vào Nam. Thật không ngờ, điểm đến của hai mươi năm về trước lại là điểm khởi hành không bờ bến của hai mươi năm sau. Lần đó thầy me tôi trốn chạy cộng sản mang tôi đi trong đêm tối tìm tự do. Lần này tự tôi một mình đi tìm đường thoát. Con tầu lướt nhẹ và hình ảnh Sài Gòn thân yêu mờ dần trong sương đêm. Thôi giã từ Sài Gòn, giã từ em và các con thân yêu, giã từ những ngày xưa thân ái.

Tôi vẫn đứng trên boong tầu suốt đêm, nhìn con nước đen, nhìn bầu trời đầy sao. Lần thứ hai trong đời, tôi được đi trên một chiếc tầu biển ra xa bờ, chung quanh tôi im lìm, chỉ còn nghe tiếng sóng vỗ, chỉ còn nghe tiếng gió thổi, tôi tự hỏi không biết đây là sự sống hay nỗi chết, không biết đây là thực hay mơ. Mọi sự việc xảy ra như một thoáng giây, như mờ như ảo.

Trên bầu trời đầy sao, tự nhiên đến lúc này tôi mới thấm thía buồn, thấm thía nỗi cô đơn, tôi nhớ đến em, em bây giờ đang khắc khoải

ôm con mỏi mòn ngóng trông. Thôi còn đâu tay gối ấm nồng, còn đâu đưa đón cổng trường, còn đâu những ngày trời nắng, những chiều mưa và những mùa trăng trên bãi biển Qui Nhơn. Chưa một lần trong đời tôi nhỏ lệ, thế mà đêm nay tôi thấy nước mắt tự nhiên ứa ra nhạt nhoà.

***

NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 1975:
LÊNH ĐÊNH TRÊN BIỂN

Qua ngày hôm sau, tầu ra đến cửa biển khi trời vừa hừng sáng, sóng bắt đầu vỗ dồn dập ở mạn tầu. Tôi vẫn chưa biết tầu đi đâu chỉ nghe Việt nói đến điểm hẹn ngoài hải phận đảo Côn Sơn.

Qua radio của những anh em thủy thủ trên tầu tin cho chúng tôi biết khoảng gần trưa ngày 30 tháng 4, Đại tướng Dương văn Minh đã tuyên bố đầu hàng, Miền Nam đã thua cuộc.

Mãi đến tối, chiến hạm mới đến được điểm hẹn ngoài khơi đảo Côn Sơn. Vì là loại trục lôi hạm nhỏ hoạt động ven bờ nên chúng tôi được yêu cầu chuyển qua tầu lớn – chiến hạm HQ 5. Tôi không nhớ đoàn tầu có bao nhiêu chiếc, chỉ nghe nói khoảng 30 chiếc cứ chạy vòng vòng chờ nhau cả ngày cả đêm.

Vì nhớ thương gia đình còn kẹt lại – viên cơ khí trưởng tầu HQ 116, bạn của Tiêng quyết định nhảy xuống chiếc LCM lái một mình trở về Sài Gòn đón vợ con. Anh em trên tầu tập trung tiền VNCH chứa đầy một bao tải cá nhân, ném xuống cho anh thủy thủ can đảm này, nhưng không biết liệu anh có thể sử dụng được không khi mà Sài Gòn đã có chính quyền mới. Những người gom tiền đưa hết cho anh chỉ nghĩ là tiền không còn giá trị nữa khi rời khỏi đất nước. Trong một ý nghĩa nhất định nào đó, tiền bạc là giá trị

tích luỹ từ sức lao động làm việc, từ mồ hôi, nước mắt; bỗng nhiên, nay trở thành số không. Quả thật thế gian này là vô thường, có đó rồi không đó. Chỉ trong vòng hai mươi năm, đây là lần thứ hai trong đời tôi được chứng kiến tận mắt tiền của từ có biến thành không. Lần trước, vào năm 1954 thầy mẹ tôi đã bỏ lại tất cả tiền bạc, của cải vườn ruộng dành dụm một đời, ra đi với hai bàn tay trắng, từ Bắc vào Nam.

****

Các chiến hạm cứ chạy vòng vòng ngoài hải phận quốc tế để chờ nhau. Có chiếc bị hư nên phải chuyển tầu, có chiếc chạy yếu, chạy chậm. Mãi đến gần trưa ngày mồng một cả đoàn tầu mới được lệnh trực chỉ vịnh Subic Bay, Phi Luật Tân. Lệnh này không biết của ai nhưng về sau đọc lại lịch sử chiến trận Việt Nam mới biết là từ bộ chỉ duy chiến dịch di tản của Mỹ đặt trên soái hạm Hạm Đội Thái Bình Dương.

Ở trên chiến hạm HQ 5 rất đông tướng tá, bộ trưởng, thứ trưởng, quân nhân đủ mọi binh chủng, và người dân thường nữa nên không còn chỗ trống cho những người đến sau như chúng tôi. Tiêng và tôi cùng Quốc – người bạn mới quen trên tầu HQ 116 chọn vị trí nằm ở trên boong tầu, cạnh ụ súng đại pháo. Hàng ngày ngoài việc thay phiên nhau đi đến nhà bàn kiếm cơm ăn cho nhóm ba người, chúng tôi còn được chứng kiến tận mắt cảnh tranh dành thực phẩm, cảnh hỷ nộ ái ố giữa những người cùng cảnh ngộ chạy loạn như nhau, trong ấy phải kể đến cảnh đánh ghen giữa các “mệnh phụ” phu nhân quan lớn; có ông đem theo cô thư ký nhân tình trẻ đẹp, có bà đem theo người cận vệ hay tài xế trẻ cứ ồn ào cả lên. Họ đâu biết rằng, ngoài họ ra còn có rất nhiều cảnh đời khác, khi đêm về tựa boong tầu, âm thầm lau nước mắt, nhớ thương mẹ già, thương người vợ trẻ và đứa con thơ còn kẹt lại quê nhà.

TRỞ NGẠI HẢI HÀNH

Hạm đội Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm khoảng 30 chiếc chiến hạm mà hầu hết đã cũ do Hải Quân Hoa Kỳ chuyển giao trong cuộc chiến, nên ỳ ạch di chuyển trên một hải trình ngắn. Thay vì phải mất khoảng 3 ngày là tới Subic Bay, hạm đội mất một tuần mới gần tới hải phận Philippines.

Thật ra không phải như vậy mà vì trở ngại ngoại giao giữa Philippines và Hà Nội nên hạm đội phải di chuyển chậm chờ kết quả thương thảo giữa ba bên Philippines, Hoa Kỳ và Cộng Sản Việt Nam. Chính quyền mới đã chính thức lên tiếng đòi tính cách chủ quyền trên các chiến hạm đang di tản khỏi Sài Gòn và yêu cầu Philippines hoàn trả. Philippines không muốn mất lòng Hà Nội khi phải tiếp nhận các chiến hạm theo yêu cầu của Hoa Kỳ.

Sau cùng lệnh của Ngũ Giác Đài cho hải quân Hoa Kỳ thực hiện thủ tục việc thu hồi các chiến hạm đã viện trợ cho quân lực VNCH trước đây bằng cách xóa bỏ tên và số hiệu của từng chiến hạm, thay thế cờ VNCH bằng cờ HK và vứt bỏ đạn dược xuống biển. Do vậy các chiến hạm bây giờ là của Hoa Kỳ nên có quyền đến căn cứ Subic Bay. Lễ hạ cờ Việt Nam và treo cờ Hoa Kỳ được thông báo trên các loa phóng thanh trên các chiến hạm là 12 giờ trưa ngày 7-5-1975 trước khi các tầu tiến vào hải phận Subic Bay.

Hôm lễ hạ cờ VNCH rất cảm động, toàn thể những người hiện diện trên chiến hạm gồm quan và dân đồng ca bài quốc ca lần cuối, nhiều người không cầm được nước mắt, nghẹn nào nhìn cảnh lá cờ vàng ba sọc đỏ VNCH kéo xuống, cờ Mỹ kéo lên. Sau đó là lệnh cho tất cả tướng tá và quân nhân phải lột bỏ lon lá, phù hiệu quân binh chủng và vất tất cả võ khí cá nhân xuống biển. Với tôi, ngoài bộ quần áo trên người, tôi còn có gì đâu mà vất với bỏ!.

Thế là chấm hết. Một quân đội hùng mạnh với gần một triệu quân dưới cờ sau hai mươi năm chiến đấu dũng cảm nay phải hạ cờ bỏ súng. Tại sao lại phải chấm dứt một cách tức tưởi như thế? Tại sao Hoa kỳ lại bỏ cuộc như thế? Vì sao Hoa Kỳ kết thúc cuộc chiến và bỏ rơi cái gọi là "đồng minh thân thiết VNCH" của mình.

Câu trả lời ngắn gọn là vì quyền lợi của Mỹ ở Việt Nam đã không còn nữa sau khi họ đã chuyển chính sách về Trung Đông và Do Thái. Họ cần bảo vệ Do Thái và cần năng lượng hơn. Thật sự không phải hôm nay Hoa Kỳ mới bỏ rơi chúng ta mà Hoa Kỳ đã bỏ rơi chúng ta từ 3 năm trước, kể từ ngày Tổng thống Nixon bắt tay được với Trung Quốc vào năm 1972. Nam Việt Nam không còn là tiền đồn ngăn chặn làn sóng cộng sản nữa.

Bất hạnh thay, đất nước chúng tôi, dưới sự lãnh đạo của những người bất tài tham nhũng, không có tâm và có tầm, đã không đủ dũng cảm dành quyền tự lập, tự quyết và tự cường như Tây Đức hay Nam Hàn để đến nay phải trả giá quá đắt khi hoàn toàn bị lệ thuộc, nếu không muốn nói là nô lệ vào Hoa Kỳ, từ vật chất đến tâm lý, từ chính trị, ngoại giao, quốc phòng đến kinh tế, từ súng ống, đạn dược đến cả lương bổng cho quân nhân, cảnh sát và công chức. Mà hễ bị nô lệ thì chủ bảo sao thì tớ phải nghe theo! Rất đơn giản thôi.

****

Đến Subic Bay, căn cứ Hải Quân Mỹ tại Philippines, tất cả mọi người mà bây giờ đông là thường dân ước lượng trên 30 ngàn người trên 30 chiếc tầu các loại, được lệnh chuyển qua các thương thuyền do Hoa Kỳ thuê bao, ngay trong đêm khuya để tiếp tục cuộc hải hành đến đảo Guam.

Do chính quyền Philippines không chấp thuận cho dân tị nạn lên bờ tạm trú để chuyển tiếp đi Mỹ, nên một đoàn thương thuyền

nhiều chiếc được Mỹ thuê bao chờ sẵn ở cảng để tiếp chuyển đưa đồng bào đến Guam. Về sau đọc báo tại trại tị nạn, tôi mới được biết tên một số tầu là: Pioneer Commander, American Challenger, Greenville Victory, Sergeant Andrew Miller, Green Forest và Green Port..., mỗi chiếc có sức chứa chở khoảng 5.000 người.

Vì chuyển tầu trong đêm nên tôi không biết là mình đi trên chiếc nào, chỉ biết là tầu không thuộc loại chuyên chở hành khách mà chở hàng hóa nên không có phòng và giường để ngủ mà là nằm trên sàn tầu. Mọi người tự do chiếm chỗ, bất cứ chỗ nào trống là được. Riêng tôi chọn ở trên boong tầu thoáng mát hơn. Vì chỉ ăn đồ hộp trái cây do anh em trong nhóm tôi mang theo từ chiến hạm HQ 116 nên không thấy đói và nhờ vậy nên không có nhiều nhu cầu vệ sinh. Chỉ tội nghiệp các em nhỏ không có thức ăn và sữa uống nên khóc la cả ngày cả đêm. Nhiều cha mẹ phải năn nỉ xin ai có khẩu phần cơm sấy khô quân đội cho mua lại bằng nhiều tiền dollars. Tầu không phát thực phẩm và nước uống, mọi người phải tự túc. Tuy thế họ cũng có đặt nhiều nhà vệ sinh di động dọc theo lan can tầu.

Khoảng nửa đêm ngày 13 tháng 5 tức sau 13 ngày hải hành từ Côn Sơn, đoàn tầu cập cảng Apra, thuộc căn cứ Hải Quân Mỹ ở Guam. Chúng tôi được chở thẳng từ bến tầu đến Orote Point, cách khoảng nửa giờ xe. Orote Point là trai lều mệnh danh là Tent city, giang sơn mỗi người là chiếc ghế bố đặt trên nền đất, trong mỗi căn lều vải chứa chừng 20 người. Đây là khu hẻo lánh nhất nằm ở phía nam đảo Guam, dựng trên nền một phi trường cũ. Tổng số dân cư đảo Guam hồi ấy chưa tới 100 ngàn người trong khi tổng số dân tị nạn tới đây lên tới hơn 100 ngàn. Vì toàn đảo không có đủ xe bus chuyên chở khoảng 70 ngàn người tị nạn mới đến nên thống đốc Guam đã ra lệnh cho các trường học nghỉ học ba ngày để trưng dụng xe bus mầu vàng chở dân tị nạn từ cảng đến trại tị nạn. Cảm ơn ngài Thống đốc và nhân dân đảo Guam.

NGÀY 13-5-1975

ĐẾN GUAM AN TOÀN

Ngày đặt chân đến đảo Guam, tôi nhớ mãi không quên vì chính là ngày sinh nhật đầu tiên của đứa con út tôi - ngày 13-5-1975. Thế là gần nửa tháng lênh đênh trên biển Thái Bình Dương, đoàn quân tan hàng đã an toàn đến được bến bờ tự do.

Đứng trên boong tầu nhìn đoàn người, quan, quân và dân lũ lượt xuống bộ, tôi không thấy buồn mà cũng chẳng thấy vui, tôi chỉ cảm thấy hổ thẹn và tiếc nuối cho tuổi trẻ Việt Nam, trong đó có tôi đã không làm được gì sau hai mươi năm chinh chiến, đã không giữ vững được miền Nam đất Việt để ngày nay phải tháo chạy tìm đất tạm dung. Quê hương chúng tôi đã đổ nát vì lòng tham cuồng của đối phương sắt máu, vì sự lãnh đạo độc tài, ngu dốt và tham nhũng của chính quyền bên này, và cũng vì nhân dân miền Nam chúng tôi chia rẽ, thờ ơ, chống đối và chán chường một cuộc chiến dài lê thê và nhất là vì sự tiêu cực đến bất lực của khối đông tuổi trẻ chúng tôi.

Nhóm chúng tôi là những người trai trẻ độc thân, không gia đình xuống đảo sau cùng nên mãi đến tối khuya, chân mới chạm được mặt đất, mỗi người được nhận áo quần, khăn tắm, xà phòng, bàn chải và kem đánh răng. Sau khi qua hệ thống tự động vòi phun hơi tẩy trùng DDT toàn thân, tắm rửa lộ thiên và thay áo quần rồi lên xe buýt về trại Orote Point thì trời đã vào khuya. Ở cùng lều với chúng tôi còn có anh chị Việt và Quốc người bạn mới quen trên chiến hạm.

Tôi cũng không ngờ đúng 20 năm ngày rời đất Bắc vào Nam đến nơi ở đầu tiên là trại Lều Phú Thọ nay nơi đến cũng trại lều Orote Point ở bên kia bờ Thái Bình Dương, cũng do Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ thiết lập, chỉ có điều quy mô hơn và rộng lớn hơn.

****

Guam nằm ở vùng biển Thái Bình Dương, là lãnh thổ hải ngoại của Mỹ, cách Hawaii hơn 5.000 km về phía tây, cách thành phố Los Angeles khoảng 12 giờ bay và là lãnh thổ hải ngoại nhỏ nhất và xa nhất của Mỹ. Thủ phủ của đảo là Agana. Guam là trung tâm đầu não chiến lược quan trọng của quân đội Mỹ ở Tây Thái Bình Dương. Dân số khoảng 100.000 người, là nơi Mỹ đặt căn cứ không quân Andersen và căn cứ hải quân Apra. Guam được dùng làm chặng dừng chân đầu tiên của hơn 100 ngàn người Việt tỵ nạn đến đất Mỹ.

Thế là đã qua một đêm ngủ thật an lành trên ghế bố. Sáng tỉnh dạy chúng tôi mới đi khám phá và nghe ngóng tình hình về nơi này thì thấy nơi đây đúng là một thành phố lều bao la bát ngát được mệnh danh là Tent City do Thuỷ Quân Lục Chiến Hoa Kỳ cấp tốc dựng tạm để chứa khoảng 100 ngàn người.

Nơi đây vốn là một phần của phi trường cũ bỏ hoang nằm ở phía Nam đảo, có hai con đường chánh trải nhựa chạy xéo xuyên nhau với nhiều trụ đèn cao sáng. Họ đặt bộ chỉ huy trại và các cơ sở yểm trợ như văn phòng *Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ, Sở Di Trú và Nhập Tịch Hoa* Kỳ, các tổ chức thiện nguyện như *Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ*, và một bệnh xá dã chiến, ngay nơi giao lộ của hai con đường chính, mà về sau có tên gọi là “Ngã Tư Quốc Tế.” Nơi đây là trung tâm hội ngộ, cũng là nơi khóc, nơi cười, nơi tìm người thân thất lạc, vợ tìm chồng, chồng tìm vợ, cha mẹ tìm con, nơi nghe ngóng tin tức quê nhà quê người. Có thể nói đây là nơi sinh hoạt sầm uất nhất về ban đêm.

****

Công việc đầu tiên ngày hôm nay (14/5/1975) là chúng tôi, cũng như tất cả mọi người phải làm thủ tục ghi danh lý lịch với sở di trú và nhập tịch Hoa Kỳ để họ cấp giấy I-94, đồng thời sắp xếp chuyến bay về nội địa. Một cô người Việt có chồng là quân nhân

Mỹ đồn trú ở Guam từ năm 1972, vì nhớ người Việt quá nên tình nguyện làm việc ở sở di trú kể cho tôi biết trong danh sách người tị nạn ghi danh cổ chỉ thấy có hai nghề nghiệp phổ thông nhất là quân nhân và danh ca. Họ khai là làm nghề đánh cá nhưng máy chữ không có dấu tiếng Việt thành là danh ca. Cô giải thích thêm.

Cũng trong thời gian ở đây để chờ ngày lên chuyến bay đi nội địa Hoa Kỳ; Tiêng gặp được gia đình anh Chiển, ông anh họ làm ở cục an ninh quân đội nên được ghép chung cùng gia đình để có ưu tiên đi sớm.

Trong lều với 20 chiếc ghế bố loại nhà binh sắp thành hai hàng, chúng tôi chỉ có 5 người, Tiêng, Quốc, tôi và anh chị Việt. Tiếc cho anh chị ấy, vợ chồng mới cưới không có được một phòng riêng hay ít nhất có được chiếc màn che ngăn cách để ngủ mà chúng tôi cũng vô tình không đi kiếm một cái lều khác ở để dành riêng lều này cho họ được tự do. Thật ra chị Việt là bạn gái của anh ấy, tình cờ lên chiến hạm thăm người yêu, rồi lệnh báo động tầu rời bến thế là chị đi luôn theo anh và trở nên vợ chồng khi đến đảo. Chúc mừng hạnh phúc anh chị Việt, dù lời chúc muộn màng.

Rồi thời gian qua mau, Tiêng rời đảo trước rồi đến anh chị Việt rời khỏi Guam. Hàng ngày chúng tôi vẫn xếp hàng dưới cơn nắng hải đảo để ăn cơm ngày hai bữa, lang thang đến khu trung tâm “Ngã Tư Quốc Tế” nơi đặt văn phòng điều hành trại xem danh sách chờ chuyến bay, bay về nội địa, tối đi xem chiếu bóng ngoài trời gần bãi biển. Chỉ thế thôi và chỉ thế thôi.

Phải kể thêm, cuộc sống ở trại Orote Point khá đặc biệt. Các quân nhân Mỹ đối xử với người tị nạn khá tốt, họ làm bất cứ điều gì mà người tị nạn yêu cầu. Họ phục vụ hết mình, ngày dọn ăn cho bà con hai bữa ăn, sáng từ 7 đến 11 giờ, chiều từ 3 đến 8 giờ mà hàng người xếp hàng lúc nào cũng dài dưới cơn nắng hải đảo. Có người than phiền cơm như là cơm luộc, thế là ngày hôm sau họ nhờ người Việt mình vào nhà bếp nấu cơm kiểu cơm Việt Nam

mình. Cơm nước ở đây ê hề, thịt gà ta, gà tây ăn dư thừa, một số bà lấy đem về lều biến chế thành món gà chà bông, ăn rất ngon. Bữa ăn sáng là kiểu ăn sáng của Mỹ với bánh mì lát ăn với trứng gà scrambled và bacons, xúc xích cùng với sữa tươi và nước cam.

Nhờ xếp hàng ngày 2 lần ăn trưa và chiều nên cũng tiêu khá nhiều thì giờ. Đêm về nằm gác tay lên trán tự hỏi không biết ngày mai sẽ ra sao, sẽ đi về đâu và làm gì để sống…

Mọi tin tức ở trại đều được loan báo qua đài phát thanh nói tiếng Việt, hình như do ca sĩ Kim Vui và người chồng Mỹ của cô phụ trách và tờ nhật báo Chân Trời Mới phát hành mỗi ngày, chuyên về tin tức định cư người tị nạn. Câu chuyện bàn tán quanh trại vẫn là chuyện bao lâu sẽ được rời đảo bay về Mỹ và tin tức về một nhóm người đòi hồi hương thường gây ồn ào với biểu tình yêu cầu Hoa Kỳ sớm đưa họ trở về Việt Nam làm nhiều người chú ý. Chuyện thứ nhì bàn tán là chọn đi đâu trong bốn trung tâm ở đất liền nằm ở bốn tiểu bang: California, Florida, Arkansas hay Pennsylvania? Muốn đi California hay Florida phải xếp hàng từ sáng sớm để ghi tên. Họ nói California và Florida nắng ấm, khí hậu hợp với người Việt. Thực tế không như mọi người mong muốn. Chính sách di dân của chính phủ Mỹ là phân tán mỏng dân tị nạn để mau hòa nhập vào cộng đồng bản xứ.

Cho đến khi tôi ghi danh được thì hai trại ở Florida và California đã đóng cửa và ngay cả trại Orote Point này cũng sẽ đóng do mùa bão Thái Bình Dương sắp đến, nên không có lựa chọn. Họ ghi tên đi đâu thì đi đó. Tôi đi về Fort Indiantown Gap ở bang Pennsylvania. Cũng còn duyên với bạn hiền, Tiêng đi theo gia đình anh Chiển nên được đi trại Fort Indiantown Gap sớm từ tuần trước.

Nhắc đến đảo Guam cũng không quên nhiều cảnh đời trong đó có những gia đình đông con gái cha mẹ không biết làm sao sống nơi quê người nên đã vội vã đồng ý gả con cho những người lính Mỹ hay những chàng trai ở đảo làm việc trong trại đến cầu hôn. Chính

tôi đã chứng kiến một anh quân nhân Mỹ, không phải hàng sĩ quan đã quỳ xuống ngay dưới đất trước mặt cô gái trẻ, khá đẹp và trước sự chứng kiến của mẹ cô gái để trao nhẫn cầu hôn. Họ nằm trong số hai nghìn người đã chọn Guam định cư vào ngày đóng cửa trại. Tôi nghĩ thầm không biết về sau này cô gái có được hạnh phúc không và người mẹ có sót sa khi rời xa cô về đất liền. Chúc cho cô hạnh phúc.

Về sau, chúng tôi được biết có tất cả 110 nghìn người tị nạn đã đến Guam trong số 130 nghìn người thoát khỏi Việt Nam vào ngày 30/4/1975 Cảm ơn nhân dân và chính quyền đảo Guam đã giang tay đón chào những người Việt đến đây.

Dù đảo Guam không phải là nơi đáng yêu, đáng nhớ, nhưng đã là nơi ghi dấu vết hằn trong tim tôi, nỗi buồn đầu đời mất quê hương, nỗi buồn xa lìa vợ con khi hàng ngày phải đi sắp hàng ăn cơm, sắp hàng lãnh phẩm vật cứu trợ và cảm nhận thế nào là nỗi niềm thương nhớ gia đình khi nhìn về quê hương xa thẳm không có ngày về.

ĐẾN BẾN BỜ TỰ DO

Thế là tôi đã đến được bến bờ tự do sau một cuộc hải hành dài 13 ngày trên biển Thái Bình Dương và cuộc chiến dài 30 năm trên quê hương tôi. Cuộc chiến bắt đầu từ lúc tôi chập chững bước những bước đi đầu tiên vào đời cho đến khi cuộc chiến tạm thời kết thúc lúc tôi lên 11 tuổi vào năm 1954. Sử sách ghi lại đây là cuộc chiến chống thực dân Pháp kéo dài 10 năm từ năm 1945 đến năm 1954 và tiếp theo sau đó 20 năm là cuộc chiến chống lại chủ nghĩa cộng sản độc tài hay nói gọn là cuộc chiến ý thức hệ.

Sau 30 năm chiến tranh chết chóc và tang thương, số người Việt Nam chúng tôi ở cả hai bên thiệt mạng lên tới ba triệu người. Đất

nước và tài sản của dân chúng cả hai miền đều bị chiến tranh tàn phá đến mức độ chưa từng thấy trong lịch sử, cho đến nay vẫn còn những di hại của bom, mìn chưa nổ và chất thuốc khai quang.

Đối với riệng tôi, tôi nghĩ rằng cuộc chiến tranh 30 năm này, không gì khác hơn là cuộc nội chiến tương tàn giữa những người Việt Nam với nhau trước là tranh dành quyền lực giữa những người lãnh đạo các tổ chức chính trị, sau là do ý thức hệ khác biệt, ý thức hệ quốc gia và ý thức hệ cộng sản.

Khởi đi từ những năm thập niên 1930, những người Việt Nam yêu nước thành lập các đảng chính trị kháng chiến chống thực dân Pháp như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản Việt Nam... Tất cả đều có chung một mục đích là chống thực dân Pháp, giành lại độc lập cho xứ xở. Nhiều nhà cách mạng, quốc gia, cộng sản hay không cộng sản, trí thức hay lao động thời đó, đều đã bị chính quyền Pháp bắt bớ, tù đày và sát hại. Chỉ đến khi tranh giành quyền lãnh đạo dân tộc thì hai bên mới lâm vào cảnh huynh đệ tương tàn và bị các nước lớn sử dụng trong một cuộc chiến tranh ý thức hệ.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định đình chiến Genève được ký kết. Theo đó, Việt Nam sẽ tạm thời bị chia cắt bằng ranh giới là vĩ tuyến 17 để quân đội hai bên tập kết. Quân đội Pháp sẽ rút khỏi Việt Nam và trao quyền quyết định vận mệnh dân tộc mình cho người Việt Nam. Một năm sau đó sẽ tiến tới việc giao thương kinh tế và một năm sau nữa sẽ tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Thế nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra.

****

Tôi ra đời trong bối cảnh chiến tranh như vậy tại một làng quê miền Bắc, theo cha mẹ di cư vào Nam tìm tự do trong khuôn khổ quy định của hiệp định Geneve, ai muốn ở lại miền Bắc thì ở, ai muốn đổi chế độ thì vào Nam.

Do phải sinh sống trong thời chiến trah loạn lạc nên tôi sớm có được nhận thức về các biến cố trong đời và cho đến nay tôi vẫn còn nhớ như một khúc phim quay lại.

Ngay sau ngày hiệp định Geneve ký kết, thầy mẹ tôi bồng bế con cái trở về quê, sau một thời gian lên tỉnh lánh nạn binh đao. Lúc ấy mọi nơi dân chúng phấn khởi vì hết chiến tranh, thôn quê và thành thị được đi lại tự do, nhiều gia đình đoàn tụ, hạnh phúc, nhưng chỉ sau vài tháng, dân chúng bị cưỡng bách đi lao động dân công, các cán bộ ủy ban kháng chiến xã huyện đi kiểm kê tài sản nhà cửa ruộng vườn để thực thi cái gọi là “cải cách ruộng đất”, phân phối tài sản đồng đều, giầu nghèo như nhau. Họ thực hiện chế độ kinh tế tập trung do nhà nước làm chủ, khiến dân chúng hoang mang lo sợ. Luật pháp thì tùy tiện do các cán bộ, công an địa phương quyết định. Dân chúng mất niềm tin vì cuộc sống thay đổi đột ngột không định hướng. Thầy me tôi kể lúc ấy ai ai cũng lo lắng khai báo cho mình một tiểu sử nghèo, dốt, để hy vọng mình được xếp vào thành phần “bần cố nông”, tránh bị thanh toán. Cờ đỏ sao vàng và cờ đỏ búa liềm của cộng sản quốc tế lúc nào cũng tung bay rợp trời khắp nơi.

Vì là giai cấp địa chủ, thấy không thể nào sống nổi dưới chế độ cộng sản, thầy me tôi quyết định rời bỏ xóm làng, họ hàng bà con bồng bế con cái trốn đi trong đêm đến cảng biển Hải Phòng vào Nam, lúc ấy vào khoảng cuối năm 1954, tức gần nửa năm sau ngày đình chiến.

Nhờ lực lượng hải quân hùng hậu và dồi dào tài chính của Hoa Kỳ trợ giúp nên có khoảng một triệu người đã di cư từ miền Bắc vào Nam, trong đó có chúng tôi. Tôi nhớ hồi đó ông Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về miền Nam làm Thủ tướng của Quốc trưởng Bảo Đại, đám học trò lớp nhất chúng tôi hợp cùng với các trường khác được tập hợp đi đón và hoan hô Ngô Tổng Thống. Hồi ấy, ông cho dẹp tất cả các lực lượng võ trang ở miền Nam như quân đội Bình Xuyên, quân đội Cao Đài, quân đội Hòa Hảo và sau khi dẹp tan các lực lượng này, ông Diệm với sự yểm trợ tích cực của Mỹ, tổ

chức trưng cầu dân ý truất phế quốc trưởng Bảo Đại lập nên nền đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa.

Hồi đó khi vào miền Nam, tôi theo học lớp Nhất tại trường tiểu học Phú Nhuận. Vào mỗi sáng thứ Hai chào cờ, tôi được cô giáo lớp tôi cho "vinh dự" kéo cờ và tất cả học sinh phải hát bài ca suy tôn Ngô Tổng Thống sau khi chào quốc kỳ. Ở miền Nam, dạo ấy tôi không hiểu tại sao chính quyền tổ chức quần chúng hay đến như thế, đâu đâu cũng toàn là suy tôn Ngô Tổng Thống rồi đả đảo cộng sản. Vào trong rạp hát xem chiếu phim cũng phải đứng dậy hát bài ca suy tôn.

****

Thật không may cho Việt Nam, số phận của quê hương tôi đã được an bài trên bàn hội nghị bởi các nước lớn trên thế giới hay cũng có thể đó là nghiệp quả của cả một dân tộc phải gánh chịu, khi bị rơi vào thế gọng kìm của cuộc chiến tranh ý thức hệ trên toàn thế giới giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản **hình thành** sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Người Việt Nam chúng tôi, dù muốn hay dù không cũng đều bị cuốn hút vào trong cuộc đấu tranh ý thức hệ này. Miền Bắc Việt Nam đứng về phe xã hội chủ nghĩa do Trung Quốc và Liên Xô lãnh đạo. Miền Nam Việt Nam đứng về phe tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Hoa Kỳ.

Mặc dầu cuộc chiến Việt Nam là cuộc nội chiến ngay từ những năm trước thập niên 1940 nhưng về sau nó được tiếp tay bởi Hoa Kỳ. Hoa kỳ đã làm ngơ trước những lời cầu cứu của ông Hồ Chí Minh và Bảo Đại lúc đó làm quốc trưởng muốn việt Nam được tự trị và độc lập. Thế là đất nước tôi lại tiếp tục bị bom đạn đánh phá nhà tan cửa nát thêm 10 năm nữa cho đến ngày 20 tháng 7 năm 1954 mới chấm dứt bởi hiệp định đình chiến Geneve chia đôi đất nước.

Nghĩ lại, nếu như Hoa Kỳ hồi đó không nghe lời thuyết phục của chính phủ Pháp mà chuyển qua giúp đỡ cho Việt Nam Độc Lập

Đồng Minh Hội trong đó có những thành phần yêu nước thật sự muốn Việt Nam được tự trị và được sự giúp đỡ của Mỹ, thì biết đâu tình trạng hiện thời của một nước Việt Nam lẽ ra đã có tự do, dân chủ và tiến bộ từ đó. Và đâu có cảnh người dân phải tháo chạy kinh hoàng đến hai lần "một lần cha bỏ xứ năm 1954, và một lần con bỏ nước năm 1975".

Rồi sau hội nghị Geneve 1954, Mỹ chính thức can thiệp vào chính quyền miền Nam Việt Nam. Mỹ muốn dùng miền Nam Việt Nam làm con đê để ngăn chặn làn sóng cộng sản lan tràn xuống phía Nam, đặc biệt là vùng Đông Nam Á theo học thuyết Domino, để rồi 20 năm sau, sau khi đã bắt tay được với Trung Quốc vào năm 1972, Mỹ đã bỏ rơi miền Nam Việt Nam cho miền Bắc Việt Nam vì quyền lợi kinh tế và chính trị của Mỹ và Trung Quốc.

Ngày nay, người Việt Nam cộng sản và không cộng sản đều đã có nhiều kinh nghiệm về tình bạn hợp tác với các nước anh em của mình để thấy rằng đồng minh anh em nào cũng chỉ ủng hộ một nước anh em bạn chừng nào sự ủng hộ ấy phù hợp với lợi ích riêng của họ chứ không phải vì cùng theo đuổi một lý tưởng chung. Chính Thủ tướng Anh Winston Churchill từng có câu nói để đời: "*Không có bạn bè vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn. Chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn*". Đó cũng là chính sách cố hữu của Hoa Kỳ.

Cổ nhân Đông phương cũng có câu "*Thương hải tang điền*" đại ý nói về sự thay đổi khó lường của cuộc đời. Còn nhà triết học Tây phương Heraclitus đã từng khẳng định "*Không ai tắm hai lần trên một dòng sông*" để nói về dòng đời luôn trôi chảy theo những biến thiên của cuộc sống. Cuộc sống vô thường, luôn chứa đựng những điều bất ổn, còn bước đi của lịch sử thì luôn song hành với nhịp điệu của thời gian. Do đó, mọi mối liên hệ giữ người với người, giữa quốc gia với quốc gia chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định nào đó, con người cần phải học cách thay đổi để thích nghi và để mối quan hệ giữa con người với con người sẽ được biến thiên theo dòng chảy của cuộc đời.

Thật đau khổ cho dân tộc Việt Nam, cho quê hương thân yêu của tôi, đã không thích nghi được với hoàn cảnh, đã không vận dụng mọi nỗ lực để tự quyết, tự chủ, tự cường, để đến nỗi bị các nước lớn bắt nạt, đàn áp và bị ép buộc phải quy hàng theo ước muốn của họ.

(Trích từ sách sắp xuất bản: "Vượt Thoát" của tác giả Nguyễn Văn Hòa Làng Dung)